

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Mỹ Lil

Bà Nguyễn Huỳnh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nhâm Kim X, sinh ngày 01/01/1984, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Số CCCD 096184004631, cấp ngày 08/01/2025.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Minh C, sinh ngày 01/01/1977, vắng mặt.

Số CCCD 096077008543, cấp ngày 18/11/2021.

Cùng địa chỉ cư trú ấp A, xã S, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nhâm Kim X trình bày:

Về hôn nhân: Chị X và anh C xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau ngày 22/10/2010. Quá trình sống chung, thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng không còn hạnh phúc, do bất đồng quan điểm.

Nay, chị X nhận thấy không thể tiếp tục cùng anh C sống chung, yêu cầu ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 05 người con chung là Đỗ Nhật V, sinh ngày 29/9/2005, giới tính: Nam, Đỗ Nhật V1, sinh ngày 10/6/2008, giới tính: Nam, Đỗ Kim N, sinh ngày 26/6/2011, giới tính: Nữ, Đỗ Nhật G, sinh ngày 14/8/2022, giới tính: Nam, Đỗ Ngọc G1, sinh ngày 06/9/2023, giới tính: Nữ. Đối với cháu Nhật V đã trưởng thành, không có yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với cháu Nhật V1, Kim N yêu cầu Toà án xem xét nguyện vọng của các cháu, trường hợp các cháu có nguyện vọng sống chung với nguyên đơn, nguyên đơn đồng ý nuôi dưỡng cùng 02 cháu Nhật G và Ngọc G1.

- Về cấp dưỡng: Nguyên đơn yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng 04 cháu, mỗi tháng số tiền theo quy định của pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc về việc ghi nhận ý kiến của chị N1 Kim Xuyên ngày 28/11/2025, chị X trình bày: Nguyên đơn giữ ý kiến về hôn nhân, tài sản, nợ, thay đổi yêu cầu về con chung, do hiện nay 02 cháu Nhật V1, Kim N đang sống chung với anh C ổn định, nguyên đơn yêu cầu anh C để chị X dẫn 02 cháu Nhật V1, Kim N đến Toà án ghi nhận nguyện vọng của các cháu, anh C không đồng ý. Do đó, nguyên đơn đồng ý giao 02 cháu Nhật V1, Kim N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu Nhật G và Ngọc G1, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Nay, nguyên đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn anh Đỗ Minh C: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị X vắng mặt nhưng đã có đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, còn anh C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn chị Nhân Kim X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Đỗ Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần xét xử các đương sự nêu trên, là phù hợp.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Đỗ Minh C có nơi cư trú ấp A, xã S, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 1210 ngày 06/10/2022 do Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp, thể hiện chị X và anh C có đăng ký kết hôn. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh C được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị X xác định hôn nhân giữa chị và anh C đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh C.

Đối với anh C vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa án, điều đó cho thấy anh C đã không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị X.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 23/10/2025 và tại Biên bản làm việc về việc ghi nhận ý kiến của chị N1 Kim Xuyên ngày 28/11/2025, chị X kiên quyết ly hôn với anh C.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: “Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. “Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;”.

Xét, hôn nhân giữa chị X và anh C đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị X là có căn cứ được chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị X được ly hôn với anh C phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Theo chị X xác định, vợ chồng có 05 người con chung là Đỗ Nhật V, sinh ngày 29/9/2005, giới tính: Nam, Đỗ Nhật V1, sinh ngày 10/6/2008, giới tính: Nam, Đỗ Kim N, sinh ngày 26/6/2011, giới tính: Nữ, Đỗ Nhật G, sinh ngày 14/8/2022, giới tính: Nam, Đỗ Ngọc G1, sinh ngày 06/9/2023, giới tính: Nữ.

Đối với cháu Nhựt V đã trưởng thành, không có yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với 02 cháu Nhựt V1, Kim N đang sống chung với anh C, còn 02 cháu Nhựt G, Ngọc G1 do chị X nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị X đồng ý giao 02 cháu Nhựt V1, Kim N cho anh C được quyền nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, chị X yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu Nhựt G, Ngọc G1. Xét, riêng 02 cháu Nhựt V1, Kim N tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/11/2025 các cháu trên 07 tuổi, phải ghi nhận nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại Biên bản làm việc về việc ghi nhận ý kiến của chị N1 Kim Xuyên ngày 28/11/2025, chị X xác định có yêu cầu anh C để chị X dẫn 02 cháu Nhựt V1, Kim N để đến Toà án ghi nhận nguyện vọng của các cháu, nhưng anh C không đồng ý. Do đó, chị X đồng ý giao 02 cháu Nhựt V1, Kim N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị X nuôi 02 cháu Nhựt G, Ngọc G1. Đối với anh C vắng mặt, không có cơ sở xem xét.

Xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo ổn định trong cuộc sống, cần giao 02 cháu Nhựt G, Ngọc G1 cho chị X, giao 02 cháu Nhựt V1, Kim N cho anh C, được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng, về tài sản, nợ: Chị X không có yêu cầu, còn anh C vắng mặt, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, chị X phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhâm Kim X.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nhâm Kim X được ly hôn anh Đỗ Minh C.

2. Về con chung:

Giao cháu Đỗ Nhựt G, sinh ngày 14/8/2022, giới tính: Nam và cháu Đỗ Ngọc G1, sinh ngày 06/9/2023, giới tính: Nữ cho chị Nhâm Kim X.

Giao cháu Đỗ Nhựt V1, sinh ngày 10/6/2008, giới tính: Nam và cháu Đỗ Kim N, sinh ngày 26/6/2011, giới tính: Nữ cho anh Đỗ Minh C.

Chị Nhâm Kim X và anh Đỗ Minh C, được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 (mười tám) tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nhâm Kim X phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị X nộp tại Biên lai thu 0001155 ngày 07/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nhâm Kim X và anh Đỗ Minh C được quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (01b);
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang